

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST

Ngày: 29-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn An K; sinh ngày 22 tháng 01 năm 1998 huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Mỹ L, không xác định được cha đẻ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 19/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 30/2022/HSST; ngày 09/6/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 04/2022/HSST; tổng hợp hình phạt với Bản án số 30/2022/HSST của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm tù; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/6/2023; tiền sự: Ngày 20/6/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” thời hạn 03 tháng; ngày 16/8/2021, chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường theo Quyết

định số 179/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T vì lý do chuyển xử lý bằng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 07/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo chưa chấp hành vì lý do ngày 20/9/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tạm giữ hình sự và khởi tố, tạm giam về hành vi “Trộm cắp tài sản”; về nhân thân: Ngày 17/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 13/01/2020; ngày 16/4/2020, bị Công an thị xã A ra xử phạt vi phạm hành chính 10.000.000 đồng về hành vi “Điều khiển xe mô tô không chú ý gây tai nạn giao thông; gây tai nạn giao thông không dừng lại”, bị cáo chấp hành xong ngày 16/4/2020; ngày 13/5/2020, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 15/8/2020; ngày 13/9/2021, bị Công an xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong 21/9/2021; bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 10 năm 2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L1; tên gọi khác: T; sinh ngày 30 tháng 3 năm 1998 huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị Thanh T1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 20/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HS-ST; bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 27/01/2022; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 10 năm 2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L1:* Ông Nguyễn Thành T2 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G - Chi nhánh S; có mặt.

- *Bị hại:* Võ Kỳ P, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thanh L3, có mặt và ông Nguyễn Võ Tú A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 07 tháng 8 năm 2023, Nguyễn An K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: Trắng- Đen-Bạc, biển số 81F1-119.11, số máy: JA39E0830871, số khung: 3901HY850707, chở Nguyễn Văn L1 đi từ xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xuống thành phố Q, tỉnh Bình Định. Khi đi đến thôn T, xã S, thị xã A thì L1 phát hiện tại bãi đất trống tiếp giáp với Quốc lộ A và trước sân nhà ông Võ Kỳ P có 01 (một) mâm xe ô tô tải bằng sắt, có đường kính 60cm, chiều rộng 27cm, nặng 40kg. L1 quan sát thấy nhà của ông P đóng cửa, không có người trông coi nên L1 nảy sinh ý định trộm cắp mâm xe ô tô tải nói trên. L1 đập vào vai của K và nói: “*Có cái mâm kia*”. K nghe L1 nói vậy thì hiểu ý của L1 rủ trộm cắp chiếc mâm xe ô tô trên nên K điều khiển xe mô tô biển số 81F1-119.11 quay ngược lại hướng nhà của ông P. K dừng xe mô tô cách nhà ông P khoảng 20 mét, rồi nói với L1: “*Mày đứng ngoài xe để tao vô lẩn cái mâm ra*”. Sau đó K bước xuống xe, đi đến vị trí để mâm xe ô tô bằng sắt, đứng quan sát xung quanh không thấy ai nên K dùng hai tay để lẩn mâm xe ô tô ra vị trí L1 đang đứng chờ, rồi K cùng L1 khiêng mâm xe ô tô để lên phía trên yên xe mô tô 81F1-119.11, đặt giữa vị trí K và L1 ngồi, cả hai định chở đi xuống Bình Định tìm người thu mua phế liệu để bán lấy tiền. Lúc này, anh Nguyễn Thanh L3 đi ngang qua nhà ông Võ Kỳ P nhìn thấy K và L1 đang khiêng mâm xe ô tô để lên xe mô tô, vì nghi ngờ nên anh L3 đi đến hỏi K và L1: “*Mâm xe của ai*”. Biết việc trộm cắp bị phát hiện nên L1 bỏ chạy hướng thị xã A, anh L3 chạy bộ đuổi theo L1, còn K điều khiển xe mô tô biển số 81F1-119.11 chở theo mâm xe ô tô trộm cắp được đặt ở trên yên xe phía sau lưng K chạy về hướng Bình Định. K đi được khoảng 20 mét thì dùng tay trái vòng ra phía sau đẩy mâm xe ô tô xuống lề đường rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 81F1-119.11 chạy về hướng Bình Định vòng đường đi xã C rồi về nhà ở thôn T, xã T, huyện Đ.

Quá trình truy đuổi Nguyễn Văn L1, anh Nguyễn Thanh L3 có tri hô “*Đứng lại*”, nghe thấy tiếng tri hô thì Nguyễn Võ Tú A đang ở trong nhà chạy ra rồi cùng anh L3 đuổi theo, bắt được L1 và đưa đến Công an xã S để làm việc. Ngày 08/8/2023, Nguyễn An K đến Công an xã S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 (một) mâm xe ô tô tải bằng sắt (đã rỉ sét toàn bộ), đường kính mâm 60cm, chiều rộng mâm 27cm, nặng 40kg (đã qua sử dụng);

- 01 (một) xe mô tô biển số 81F1-119.11, nhãn hiệu Wave, màu sơn: Trắng - Đen - Bạc, số máy: JA39E0830871, số khung: 3901HY850707;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 011740 của xe mô tô biển số 81F1-119.11, được Công an huyện Đ cấp ngày 16/01/2019 mang tên Nguyễn Thị Mỹ L, do bà L giao nộp.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã A xác định chiếc xe mô tô biển số 81F1-119.11, nhãn hiệu Wave, màu sơn: Trắng - Đen - Bạc, số máy: JA39E0830871, số khung: 3901HY850707 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 011740 là của bà Nguyễn Thị Mỹ L là mẹ đẻ của Nguyễn An K. Việc Nguyễn An K dùng chiếc xe mô tô nói trên làm phương tiện trộm cắp tài sản, bà L không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho bà L.

Đối với 01 (một) mâm xe ô tô tải bằng sắt (đã rỉ sét toàn bộ), đường kính mâm 60cm, chiều rộng mâm 27cm, nặng 40kg (đã qua sử dụng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho bị hại Võ Kỳ P.

Tại Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS ngày 25/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã A kết luận: Tại thời điểm ngày 07/8/2023, 01 (một) mâm xe ô tô tải bằng sắt (đã rỉ sét toàn bộ), đường kính mâm 60cm, chiều rộng mâm 27cm, nặng 40 kg (đã qua sử dụng) có giá trị 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 25/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Nguyễn An K, Nguyễn Văn L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn An K và Nguyễn Văn L1 về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn An K từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; xử phạt Nguyễn Văn L1 từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn An K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn L1.

Lời khai của bị hại Võ Kỳ P có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 07 tháng 8 năm 2023, ông để chiếc mâm xe ô tô tải bằng sắt tại sân nhà của ông ở thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai thì bị Nguyễn An K và Nguyễn Văn L1 trộm cắp. Ông Võ Kỳ P đã nhận lại tài sản bị mất nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt

hại. Về trách nhiệm hình sự: Tại đơn bãi nại và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt ngày 01 tháng 12 năm 2023, ông Võ Kỳ P đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án thể hiện: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn An K. Chiếc xe mô tô biển số 81F1-119.11, nhãn hiệu Wave, màu sơn: Trắng - Đen - Bạc, số máy: JA39E0830871, số khung: 3901HY850707 là tài sản thuộc sở hữu của bà. Vào ngày 07/8/2023 Nguyễn An K sử dụng chiếc xe mô tô nói trên làm phương tiện trộm cắp tài sản, bà hoàn toàn không biết. Trong quá trình điều tra bà đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nên bà không có yêu cầu gì.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L1 trình bày: Trên cơ sở kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn L1 đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 như truy tố của Viện kiểm sát. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn L1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, cha mẹ của bị cáo ly hôn khi bị cáo còn nhỏ nên thiếu có điều kiện chăm sóc, giáo dục; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại trong vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; giá trị tài sản mà các bị cáo phạm tội không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo gia đình bị cáo Nguyễn Văn L1 thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, các bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Nguyễn An K và Nguyễn Văn L1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Vào khoảng 10 giờ ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, các bị cáo Nguyễn An K và Nguyễn Văn L1 đã lén lút chiếm đoạt của ông Võ Kỳ P 01 (một) chiếc mâm xe ô tô tải bằng sắt (đã rỉ sét toàn bộ), đường kính mâm 60cm, chiều rộng 27cm, nặng 40kg, trị giá 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng). Mặc dù các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ, nhưng do các bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố các bị cáo Nguyễn An K và Nguyễn Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn An K đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích; nhiều lần bị áp dụng xử lý hành chính và bị xử phạt hành chính, hiện nay vẫn còn tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn L1 đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Đây là những yếu tố về nhân thân cần phải xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Đánh giá về vai trò, mức độ tham gia và việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm ở mức độ giản đơn, trong đó Nguyễn Văn L1 là người khởi xướng còn bị cáo Nguyễn An K thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo có vai trò ngang nhau. Các bị cáo đều có nhân thân xấu và đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; vai trò, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo; các đặc điểm về nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không bị mất mát, hư hỏng gì và có không yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn An K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do gia đình bị cáo Nguyễn Văn L1 thuộc diện hộ nghèo nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn An K, Nguyễn Văn L1.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn An K, Nguyễn Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn An K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam, là ngày 27 tháng 10 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam, là ngày 27 tháng 10 năm 2023.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn An K phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn L1.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (29/01/2024), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có

quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải